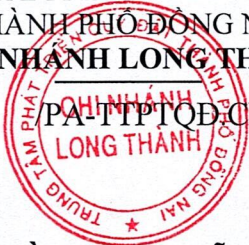


Số

PA-TPTOD/CNLT.N1

Long Thành, ngày tháng năm 2026.



## PHƯƠNG ÁN NIÊM YẾT

Về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc Dự án nâng cấp đường 25B đoạn từ Trung tâm huyện Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51, huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch (nay là Phường Long Thành và Phường Nhơn Trạch) (đợt 6- bổ sung).

### I. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Luật đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội về việc quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐCP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về hướng dẫn một số điều của Nghị quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;



Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025; Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026; Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 3538/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Dự án nâng cấp đường 25B đoạn từ Trung tâm huyện Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51, huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch;

Căn cứ Quyết định 08/2025/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định 30/2025/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản số 1757/UBND-KTNS ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện trình tự, công tác phối hợp về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản số 2987/UBND-KTNS ngày 02 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc xử lý thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất dự án nâng cấp đường 25B;

Căn cứ Thông báo số 73/TB-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh về kết luận của đồng chí Nguyễn Văn Út – Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi kiểm tra thực địa công tác bồi thường giải phóng mặt bằng dự án nâng cấp đường 25B, dự án xây dựng đường 25C và dự án Tiêu thoát nước khu vực ngoài sân bay Long Thành (giai đoạn 1).

Căn cứ Văn bản số 3887/UBND-KTNS ngày 16 tháng 3 năm 2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc xử lý giá đất để tính tiền bồi thường về đất và áp dụng chính sách hỗ trợ liên quan đến bảng giá đất khi Nhà nước thu hồi đất;

*Căn cứ Văn bản số 3008/SNNMT-ĐĐ ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai về việc xử lý thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án đầu tư nâng cấp đường 25B;*

*Căn cứ Văn bản số 3165/SNNMT-ĐĐ ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai về việc xác định giá đất để tính tiền bồi thường về đất và áp dụng chính sách hỗ trợ liên quan đến bảng giá đất khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ chứng thư thẩm định giá số 135/CT-ĐGD ngày 03 tháng 02 năm 2026 của công ty Cổ phần thẩm định giá Sen Việt;*

*Căn cứ Văn bản số 145/PKT-ĐĐ ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Phòng Kinh tế xã Long Thành về Phương án giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án nâng cấp đường 25B đoạn từ Trung tâm huyện Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51, huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch;*

*Căn cứ các Thông báo thu hồi đất ngày 23/9/2025 của UBND xã Long Thành về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án nâng cấp đường 25B đoạn từ Trung tâm huyện Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51, huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch (nay là Phường Long Thành và Phường Nhơn Trạch);*

Căn cứ Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 88/2024/NĐCP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Theo đó “ Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền lập, thẩm định, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chịu trách nhiệm thực hiện đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, không chịu trách nhiệm về những nội dung trong các văn bản, giấy tờ có trong hồ sơ đã được cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền khác chấp thuận, quyết định hoặc giải quyết trước đó”. Căn cứ nội dung trên Ủy ban nhân dân Phường Long Thành chịu trách nhiệm các nội dung xác nhận tại các mẫu số 2,3,4 kèm theo Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là Thành Phố Đồng Nai).

Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh Long Thành lập phương án bồi thường, hỗ trợ Dự án nâng cấp đường 25B đoạn từ Trung tâm huyện Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51, huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch (nay là Phường Long Thành và Phường Nhơn Trạch) (đợt 6 - bổ sung), cụ thể như sau:

## **II. Giải trình nội dung trong phương án:**

### **1. Bồi thường đất:**

Loại đất, vị trí đất để bồi thường, hỗ trợ: Căn cứ vào nội dung xác nhận của UBND Phường Long Thành về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất diện tích loại đất; vị trí, thông tin về đất căn cứ danh sách, phiếu cung cấp của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Long Thành (UBND Phường



Long Thành chịu trách nhiệm về nội dung xác nhận về nguồn gốc đất theo quy định).

Đơn giá bồi thường: Căn cứ Văn bản số 145/PKT-ĐĐ ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Phòng Kinh tế xã Long Thành (nay là Phường Long Thành) về Phương án giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án nâng cấp đường 25B đoạn từ Trung tâm huyện Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51, huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch (nay là Phường Long Thành và Phường Nhơn Trạch).

Căn cứ Văn bản số 980/TTPTQĐ.CNLT-N1 ngày 28/4/2026 về việc đề nghị xác nhận bổ sung nguồn gốc đất để thực hiện dự án nâng cấp đường 25B đoạn từ Trung tâm huyện Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51, huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch (nay là Phường Long Thành và Phường Nhơn Trạch).

**- Các trường hợp số thứ tự 02, 03, 04 (theo bảng tổng hợp đính kèm):**  
Bổ sung diện tích thu hồi theo các xác nhận nguồn gốc đất số 165/ GXN.NGD; 166/GXN.NGD ngày 02/5/2026 của UBND Phường Long Thành

**2. Bồi thường, hỗ trợ Nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và cây trồng:**

Căn cứ nội dung xác nhận của UBND Phường Long Thành về nguồn gốc thời điểm xây dựng Nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác. (UBND Phường Long Thành chịu trách nhiệm về nội dung xác nhận Nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác theo quy định).

Đơn giá bồi thường, hỗ trợ: Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025; Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai, Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai (nay là Thành Phố Đồng Nai).

Căn cứ các Biên bản xác minh thời điểm tạo lập tài sản, vật kiến trúc thu hồi dự án nâng cấp đường 25B đoạn từ Trung tâm huyện Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51, huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch (nay là Phường Long Thành và Phường Nhơn Trạch).

**- Bồi thường, hỗ trợ Nhà ở, công trình xây dựng (theo bảng tổng hợp đính kèm):**

**- Trường hợp số thứ tự 14 và 27:** Nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc (tại biên bản kiểm kê hiện trạng năm 2011 và biên bản kiểm kê hiện trạng năm 2025) tính toán áp giá bổ sung theo biên bản xác minh.

**- Các trường hợp từ số thứ tự 28 đến số 34:** Các hạng mục nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc được xây dựng sau khi có Quyết định thu hồi đất năm 2013 nên Trung tâm phát triển quỹ đất tính toán áp giá bồi thường bằng không.

**- Về bồi thường, hỗ trợ cây trồng (theo bảng tổng hợp đính kèm):**

**- Các trường hợp từ số thứ tự 01, 05, 09, 10, 16 và số 24:** Tại Điều 1 Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 quy định chuyển tiếp tại Khoản 3 Điều 2: Đối với cây trồng phân tán (cây trồng trên những diện tích nhỏ, xen kẽ với nhau như ven đường giao thông, bờ ruộng, vườn nhà, hoặc trên các dải đất hẹp) giá trị bồi thường được tính bằng số lượng cây trồng thực tế theo kết quả kiểm đếm nhân (x) với đơn giá bồi thường tương ứng tại các phụ lục kèm theo Quyết định này. Kiến nghị UBND Phường Long Thành, phòng kinh tế xem xét thẩm định, phê duyệt theo quy định.

**- Các trường hợp từ số thứ tự 20, 21, 23, 25, 26, 27, 29, 32 và số 34:** Cây trồng sau khi có Quyết định thu hồi đất nên giá trị bồi thường bằng không đồng.

**2. Các chính sách hỗ trợ:**

**Thưởng đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời gian quy định:** Căn cứ Điều 15 Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là Thành phố Đồng Nai).

**III. Phương án bồi thường, hỗ trợ:**

- Tổng số trường hợp bổ sung: **36 trường hợp.**

- Tổng giá trị phương án bồi thường, hỗ trợ: 2.305.008.601 đồng. **(Hai tỷ, ba trăm lẻ năm triệu, không trăm lẻ tám ngàn, sáu trăm lẻ một đồng)**

Trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	86.053.460 đồng
- Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở, VKT	2.159.014.664 đồng
- Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	13.026.586 đồng
- Giá trị bồi thường, hỗ trợ tài sản khác	1.020.200 đồng
- Thưởng di dời	54.000.000 đồng
- Kinh phí cho tổ chức thực hiện BT, HT&TĐC (3,5%):	77.947.151 đồng

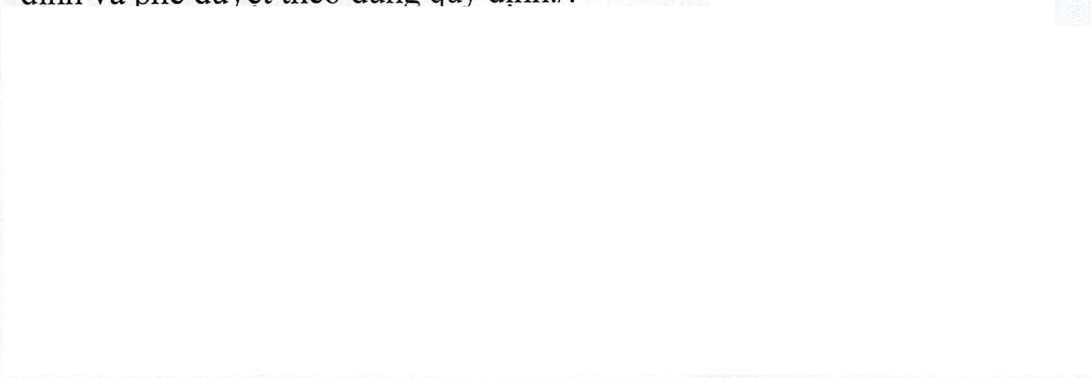
Trong đó:

+ Kinh phí cho UBND cấp xã (0,525%):	11.692.073 đồng
+ Kinh phí cho TTPTQĐ (2,975%):	66.255.078 đồng

*(Đính kèm bảng tổng hợp)*



Trên đây là phương án về bồi thường, hỗ trợ của các hộ dân thuộc Dự án nâng cấp đường 25B đoạn từ Trung tâm huyện Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51, huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch (nay là Phường Long Thành và Phường Nhơn Trạch (đợt 6- bổ sung) kiến nghị UBND phường Long Thành xem xét, thẩm định và phê duyệt theo đúng quy định./.



PHƯỜNG LONG THÀNH

**BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**

Thuộc Dự án nâng cấp đường 25B đoạn từ Trung tâm huyện Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51, huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch (đoạn qua xã Long Thành) (nay là Phường Long Thành) (đợt 6 - Bổ sung)  
(Danh sách kèm theo Phương án số...../PA-TPTTQD.CNLT.NI ngày .....tháng ..... năm 2026 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất bồi thường (m <sup>2</sup> )				Đất do UBND quản lý	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ trợ cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ tài sản khác	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thường đi đời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
					Nông nghiệp	Phi nông nghiệp		Trong đó đất trồng lúa									
			Tổng		Tổng												
1	Phan Thanh Hải- Cao Thị Lệ Mỹ	P. Long Bình Tân, Đồng Nai									366.720	434.127			17	800.847	19
2	Phùng Thị Túc (bổ sung)	KP Xóm Góc, P Long Thành	12,5	12,5					24.957.500	17.326.000					2.000.000	44.283.500	
3	Vũ Thị Mỹ Linh	KP Xóm Góc, P Long Thành	11,2	11,2	11,2				22.361.920	52.773.120					6.000.000	81.135.040	
4	Nguyễn Thanh Hùng (bổ sung)	KP Xóm Góc, P Long Thành	19,4	19,4					38.754.040	3.485.136			950.000		6.000.000	49.169.176	
5	Hoàng Thị Thanh (bổ sung tài sản)	ấp Trầu, xã Nhơn Trạch								21.992.464	291.300					22.283.764	
6	Đặng Thị Huyền (BSTS)	xã Nhơn Trạch, Đồng Nai								260.800						260.800	
7	Trần Văn Viện - Tống Thị Bôn (BSTS)	Ấp Xóm Góc, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai								33.303.424					4.000.000	37.303.424	
8	Trần Minh Hoa - Nguyễn Thủy Mai (BSTS)	Ấp Xóm Góc, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai								1.711.360						1.711.360	
9	Nguyễn Trung Đoàn (BSTS)	P. Long Thành, Đồng Nai									180.632		70.200			250.832	



STT	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất bồi thường (m <sup>2</sup> )			Đất do UBND quản lý	Diện tích đất hỗ trợ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ tài sản khác	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thường đi dòi	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
					Nông nghiệp		Phi nông nghiệp										
					Trong đó đất trồng lúa	Tổng	Trong đó đất ở										
10	Nguyễn Văn Hí (đăng giá) - Lê Đình Vương (SD) (bò sung tái sản)									16.684.800	8.919.696			4.000.000	29.604.496		
11	Bùi Minh Tâm (bò sung tái sản)	ấp Phước Mỹ, xã Nhơn Trạch								96.841.230				4.000.000	100.841.230		
12	Lê Quang Thúc - Trương Thị Hồng (BSTS)	Ấp Xóm Góc, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai								54.950.000				4.000.000	58.950.000		
13	Dương Hồng Lâm (BSTS)	Ấp Xóm Góc, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai								143.341.000				8.000.000	151.341.000		
14	Nguyễn Văn Bô (bò sung tái sản)	KP Xóm Góc, P Long Thành								1.564.800					1.564.800	chỉ tính nên theo BB xác minh	
15	Nguyễn Thị Duyên	ấp Phước Lai, xã Nhơn Trạch								244.728.000					244.728.000	Nhà ban kiên cố xd 2011 (tính). TS, VKT xd sau QĐ thu hồi đất	
16	Vũ Quang Chiêm (bò sung tái sản)	Ấp Xóm Góc, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai								50.991.680	2.693.563				53.685.243	TS, VKT sau QĐ thu hồi đất. TS, VKT, cây trồng bs theo BB	
17	Nguyễn Văn Bô (đ/g) - Lê Quang Thúc (sd)	Ấp Xóm Góc, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai								155.419.000				8.000.000	163.419.000	TS, VKT sau QĐ thu hồi đất. TS bs theo BB	
18	Nguyễn Văn Bô (đ/g) - Nguyễn Thị Hoàng (sd) (bò sung tái sản)	xã Bình Minh, tỉnh Đồng Nai								184.512.680					184.512.680	TS, VKT sau QĐ thu hồi đất. TS bs theo BB	
19	Nguyễn Văn Chơn	ấp Phước Kiếng, xã Nhơn Trạch								13.954.400					13.954.400	TS, VKT sau QĐ thu hồi đất. TS, VKT bs theo BB	
20	Nguyễn Văn Bô (ĐG) - Nguyễn Văn Bình (SD) (bò sung tái sản)	KP Xóm Góc, P Long Thành								45.588.380	0			4.000.000	49.588.380	tính nên, mai hiện, tru công, công theo BB xác minh	
21	Nguyễn Văn Hí (đ/g) - Hoàng Thị Thanh (sd) (bò sung tái sản)	tổ 2, ấp Trầu, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai								58.790.080	0				58.790.080	TS, cây sau QĐ thu hồi đất. TS tính theo BB xác minh	



STT	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất bồi thường (m <sup>2</sup> )			Đất do UBND quản lý	Diện tích đất hỗ trợ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ trợ cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ tái sản khác	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng đi đòi	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
					Nông nghiệp	Phi nông nghiệp	Tổng										
					Trong đó đất trồng lúa	Trong đó đất ở											
22	Nguyễn Văn Bô (đ/g) - Trần Văn Viên (sđ) (bổ sung tài sản)	Ấp Xóm Góc, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai									101.277.540	0	0		4.000.000	105.277.540	TS, VKT sau QĐ thu hồi đất. TS bs theo BB
23	Phan Văn Cai (bổ sung tài sản)	ấp Phước Mỹ, xã Nhơn Trạch									364.867.200	0	0			364.867.200	TS, VKT, cây sau QĐ thu hồi đất. TS bs theo BB
24	Nguyễn Văn Bô (đ/g) Bùi Xuân Đức (sđ) (bổ sung tài sản)	Ấp Xóm Góc, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai									146.915.100	507.268	0			147.422.368	TS, VKT sau QĐ thu hồi đất. TS, cây bs theo BB
25	Nguyễn Văn Bô (đ/g) - Nguyễn Đăng Thăng (sđ) (bổ sung tài sản)	ấp Phước Mỹ, xã Nhơn Trạch									121.669.250	0				121.669.250	TS tính theo BB xác minh. TS, cây không tính sau QĐ thu hồi
26	Nguyễn Văn Bô (đ/g) - Hoàng Đăng trí (sđ) (bổ sung tài sản)	Ấp Xóm Góc, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai									217.960.320	0	0			217.960.320	TS, Cây sau QĐ thu hồi đất, tính TS theo BB xác minh
27	Đỗ Thị DỄ (đứng giấy) - Bùi Xuân Đức (sđ) (bổ sung tài sản)	ấp Phước Kiếng, xã Nhơn Trạch									7.740.180	0	0			7.740.180	TS, VKT, Cây sau QĐ thu hồi đất, tính TS theo BB xác minh
28	Phạm Văn Tài (bổ sung tài sản)	ấp Hiệp Phước, xã Nhơn Trạch									0					0	TS, vkt sau QĐ thu hồi đất
29	Nguyễn Thị Lệ Thủy (đ/g) Phùng Thị Thơm (sđ) (bổ sung tài sản)	P Hiệp Hòa, Đồng Nai									0	0	0			0	TS, khác, nhà, VKT, cây sau QĐ thu hồi đất
30	Nguyễn Thị Lệ Thủy (đứng giấy) Cao Thị Lệ Mỹ (sđ) (bổ sung tài sản)	P Hiệp Hòa, Đồng Nai									0					0	TS sau QĐ thu hồi đất
31	Đỗ Thị DỄ (đứng giấy) - Đặng Thị Huyền (sđ) (bổ sung tài sản)	ấp Phước Kiếng, xã Nhơn Trạch									0					0	TS, VKT sau QĐ thu hồi đất
32	Nguyễn Văn Triều (bổ sung tài sản)	Ấp Xóm Góc, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai									0	0	0			0	TS, nhà VKT cây trồng sau QĐ THĐ
33	Nguyễn Văn Hi (đứng giấy) - Đoàn Văn Phương (sđ) (bổ sung tài sản)	ấp Bén Cam, xã Nhơn Trạch									0					0	TS, Nhà sau QĐ THĐ

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất bồi thường (m <sup>2</sup> )				Đất do UBND quản lý	Diện tích đất hỗ trợ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ tài sản khác	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thường đi đời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú	
					Nông nghiệp	Phi nông nghiệp	Trong đó đất trồng lúa	Tổng											Trong đó đất ở
34	Phan Thị Diệu (đúng giấy) - Trần Quang Khai (sử dụng)	ấp Phước Mỹ, xã Nhơn Trạch									0	0	0	0	0		0	TS khác, nhà VKT cây trồng sau QĐ THĐ	
35	Nguyễn Văn Hi (đúng giấy) Nguyễn Đình Thiết (sử dụng)	Ấp Xóm Góc, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai									0	0	0	0			0	TS khác, nhà VKT cây trồng sau QĐ THĐ	
36	Nguyễn Thị Kim Ngân - Giáp Thanh Luân	214/Đ16, Nguyễn Trãi, P. Cầu Ông Lãnh, TPHCM		43,1							86.053.460	2.159.014.664	13.026.586	1.020.200	0	54.000.000	2.313.114.910	1.455.510.000	hỗ sung loại đất
1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ:																			
2. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường 3,5%:																			
Trong đó: - Kinh phí cho UBND cấp xã 0,525%:																			
- Kinh phí cho TPT/QĐ 2,975%:																			
Tổng cộng (1+2):																	2.394.073.932		